|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: 18 /4/2023 | Ngày giảng: |
| **TIẾT 166,167 TỔNG KẾT TẬP LÀM VĂN** | |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

Sau khi học xong bài này, học sinh:

**a) Kiến thức**

- Đặc trưng của từng kiểu văn bản và phương thức biểu đath đã được học.

- Sự khác nhau giữa kiểu văn bản và thể loại văn học.

- Nắm vững kiến thức về các kiểu văn bản (tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận, điều hành) đã được học từ lớp 6 đến lớp 9.

**b) Kĩ năng**

- Tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức về các kiểu văn bản đã học.

- Đọc – hiểu các kiểu văn bản theo đặc trưng của kiểu văn bản ấy.

- Nâng cao năng lực đọc và viết các kiểu văn bản thông dụng.

- Kết hợp hài hoà, hợp lí các kiẻu văn bản trong thực tế làm bài.

**2. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh**

**a) Các phẩm chất**

- Có ý thức sáng tạo

**b) Các năng lực chung**

- Năng lực: tự học, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ; tiếp nhận văn bản.

**c) Các năng lực chuyên biệt**

**-** Năng lực: cảm thụ, giao tiếp

\* **Tích hợp với vấn đề giáo dục môi trường về người mẹ và mẹ thiên nhiên.**

**II. CHUẨN BỊ**

**Thầy**: bảng phụ

**Trò**: học bài cũ, chuẩn bị bài mới

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

A. **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (1’)**

- Phương pháp: Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **THẦY** | **TRÒ** | **CHUẨN KT- KN CẦN ĐẠT,** |
| GVgiới thiệu bài: | - Nghe | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- Phương pháp: đọc, vấn đáp, nêu vấn đề, thuyết trình, giải thích.

- Kĩ thuật: động não

- Năng lực: tư duy, tự học, sd ngôn ngữ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **THẦY** | **TRÒ** | **CHUẨN KT- KN CẦN ĐẠT,**  **NĂNG LỰC CẦN PHÁT TRIỂN** |
| ***I. Hướng dẫn HS hệ thống hoá kiến thức về các kiểu văn bản đã học***  H: Hãy hoàn thiện bảng sau?  H: Cho biết sự khác nhau giữa các kiểu văn bản trên?  H: Các kiểu văn bản trên có thể thay thế cho nhau không? Vì sao?  H: Có thể phối hợp với nhau trong một văn bản cụ thể hay không? Nêu ví dụ để làm rõ ?  H: Từ bảng tên, hãy cho biết kiểu văn bản và hình thức thể hiện, thể loại tác phẩm văn học có gì giống và khác nhau? | ***I. Hệ thống các kiểu văn bản đã học trong chương trình Ngữ văn THCS***  + Hệ thống lại kiến thức  + Suy nghĩ, trả lời  + Suy nghĩ, giảI thích  + Suy nghĩ | ***I. Các kiểu văn bản đã học trong chương trình Ngữ văn THCS***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Kiểu v.bản** | **Phương thức biểu đạt** | **Ví dụ về hình thức văn bản**  **cụ thể** | | 1 | Văn bản tự sự | - Trình bày các sự việc (sự kiện) có quan hệ nhân quả dẫn đến kết cục.  - Mục đích biểu hiện con người quy luật đời sống, bày tỏ thái độ | - Bản tin báo chí.  - Bản tường thuật, tường trình.  - Lịch sử.  - Tác phẩm văn học nghệ thuật | | 2 | Văn bản miêu tả | Tái hiện các tính chất thuộc tính sự vật, hiện tượng, giúp con người cảm nhận và hiểu được chúng. | - Văn tả cảnh, tả người, tả sự  vật.  - Đoạn văn miêu tả trong tác phẩm tự sự. | | 3 | Văn bản biểu cảm | - Bày tỏ trực tiếp hoặc gián tiếp tình cảm, cảm xúc của con người, tự nhiên xh, sự vật | - Điện mừng, thăm hỏi, chia buồn.  - Tác phẩm văn học: Thơ trữ  tình, tuỳ bút... | | 4  5 | Văn bản thuyết  Văn bản nghị luận | Trình bày thuộc tính, cấu tạo, nguyên nhân, kết quả có ích hoặc có hại của sự vật hiện tượng, để giúp người đọc có tri thức khả quan vì có thái độ đúng đắn với chúng.  Trình bày tư tưởng, chủ trương, quan điểm của con người đối với tự nhiên, xã hội, con người qua các luận điểm, luận cứ và lập luận thuyết phục | - Thuyết minh sản phẩm.  - Giới thiệu di tích, thắng cảnh,  nhân vật..  - Trình bày tri thức và phương pháp trong khoa học.  - Cáo, hịch, chiếu, biểu.  - Xã luận, bình luận, lời kêu gọi.  - Sách lí luận.  - Tranh luận về 1 vấn đề chính trị xã hội, văn hoá. | | 6 | Văn bản điều hành (hành chính công vụ) | Trình bày theo mẫu chung và chịu trách nhiệm về pháp lý các ý kiến, nguyện vọng của cá nhân, tập thể đối với cơ quan quản lý hay ngược lại bày tỏ yêu cầu, quyết định của người có thẩm quyền đối với người có trách nhiệm thực thi hoặc thoả thuận giữa công dân với nhau về lợi ích và chức vụ | - Đơn từ.  - Báo cáo.  - Đề nghị.  - Biên bản.  - Tường trình.  - Thông báo.  - Hợp đồng. | |

**TIẾT 164**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| H : Nét đặc trưng của kiểu văn bản trong Tập làm văn khác với thể loại văn học tương ứng (có ví dụ minh hoạ)?  **II. Hướng dẫn HS ôn tập phần Tập làm văn trong chương trình Ngữ văn THCS**  H : Phần Văn và Tập làm văn có mối quan hệ với nhau như thế nào?  H : Phần Tiếng Việt có quan hệ như thế nào với phần văn và Tởp làm văn ? nêu ví dụ chứng minh?  H : Các phương thức biểu đạt : miêu tả, tự sự, nghị luận, biểu cảm, thuyết minh có ý nghĩa như thế nào với việc rèn kĩ năng làm văn?  **III. Hướng dẫn HS hệ thống các kiểu văn bản trọng tâm**  H : Văn bản thuyết minh có đích biểu đạt là gì?  H : Muốn làm được văn bản thuyết minh, trước hết cần chuẩn bị những gì?  H : Hãy cho biết các phương pháp thường dùng trong văn bản thuyết minh?  H : Văn bản tự sự có đích biểu đạt là gì?  H : Các yếu tố tạo thành văn bản tự sự?  H : Vì sao văn bản tự sự thường kết hợp với các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận? Hãy cho biết tác dụng của yếu tố đó với văn bản tự sự.  H : Ngôn ngữ trong văn bản tự sự có đặc điểm gì?  H : Văn bản nghị luận có đích biểu đạt là gì?  H : Các yếu tố tạo thành văn bản nghị luận?  H : Nêu yêu cầu đối với luận điểm, luận cứ và lập luận?  H : Nêu dàn bài chung của bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống hoặc một vấn đề tư tưởng đạo lí?  H : Nêu dàn bài chung của bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) hoặc mộtvề một đoạn thơ, bài thơ? | + Trao đổi nhóm  -> Trình bày  -> Nhận xét  **II. Hệ thống phần Tập làm văn trong chương trình Ngữ văn THCS**  + Suy nghĩ, trình bày  + Suy nghĩ, trình bày  **III. Hệ thống các kiểu văn bản trọng tâm**  + Hệ thống lại kiến thức  + Hệ thống lại kiến thức  + Hệ thống lại kiến thức | **\* Phân biệt các thể loại văn học và kiểu văn bản.**  **1. Văn bản tự sự và thể loại văn học tự sự.**  - Giống: Kể sự việc.  - Khác:  - Văn bản tự sự: xét hình thức phương thức  - Thể loại tự sự: Đa dạng.  + Truyện ngắn.  + Tiểu thuyết.  + Kịch  Tính nghệ thuật trong tác phẩm tự sự:  - Cốt truyện - nhân vật - sự việc - kết cấu.  **2. Kiểu văn bản biểu cảm và thể loại trữ tình.**  - Giống: Chứa đựng cảm xúc  tình cảm chủ đạo.  - Khác nhau: + Văn bản biểu cảm: bày tỏ cảm xúc về một đối tượng (văn xuôi).  + Tác phẩm trữ tình: đời sống cảm xúc phong phú của chủ thể trước vấn đề đời sống  (thơ).  Vai trò của các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn nghị luận  - Thuyết minh: giải thích cho 1 cơ sở nào đó của vấn đề bàn luận.  - Tự sự: sự việc dẫn chứng cho vấn đề.  - Miêu tả: Tái hiện các tính chất thuộc tính sự vật, hiện tượng dẫn chứng cho vấn đề.  **II. Phần Tập làm văn trong chương trình Ngữ văn THCS**  - Mối quan hệ giũa tập làm văn và Văn học, Tiếng Việt.  **III. Các kiểu văn bản trọng tâm**  **1. Văn bản thuyết minh**  **2. Văn bản tự sự**  **3. Văn bản nghị luận** |

**C, D. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề, thuyết trình

- Kĩ thuật: thảo luận nhóm.

- Năng lực: tư duy, tự học, sd ngôn ngữ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **THẦY** | **TRÒ** | **CHUẨN KT- KN CẦN ĐẠT** |
| ***IV.Hướng dẫn hs thực hiện phần luyện tập, vận dụng***  H: Hãy viết đoạn văn phân tích khổ đầu của bài thơ “Nói với con”? | ***IV. Hs thực hiện phần luyện tập, vận dụng***  + Viết bài  ->Trình bày.  -> Nhận xét | **IV. Luyện tập.** |

**E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG**

**-** Phương pháp: đọc, nêu vấn đề, thuyết trình.

- Năng lực: tư duy, tự học, sd ngôn ngữ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **THẦY** | **TRÒ** | **CHUẨN KT- KN CẦN ĐẠT** |
| **IV.** **Hướng dẫn tìm tòi mở rộng kiến thức.**  - Tìm đọc một bài văn hay mà các bạn trong lớp đã làm, học hỏi cách viết hay của các bạn. | **IV. Tìm tòi mở rộng.**  - Trình bày. | **IV. Luyện tập**. |